

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ T,
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2023/DS-ST

Ngày: 09-3-2023

Về việc: “*Tranh chấp
hợp đồng vay tài sản*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Kiều Trinh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trịnh Thị Lệ Hoa.

Bà Mai Thị Kim Hương.

- Thư ký phiên tòa: bà Võ Thị Thùy Trang – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Chăm – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 3 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Long An xét xử công khai vụ án thụ lý số 300/2022/TLST-DS ngày 24 tháng 10 năm 2022 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2023/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 01 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Sài Gòn T.

Địa chỉ: H Đường N, Phường Võ Thị S, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: bà Nguyễn Đức Thạch D – Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bùi Khánh Viễn S – Chuyên viên khách hàng Ngân hàng Sài Gòn T Chi nhánh Long An.

- Bị đơn: Ông Đoàn Minh K, sinh năm 1962.

Địa chỉ: B Nguyễn Cửu V, Khu phố Bình Yên Đ, Phường B, thành phố T, tỉnh Long An.

(Ông S, ông K vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09/8/2022 của Ngân hàng TMCP Sài Gòn T và các lời trình bày của ông Bùi Khánh Viễn S là người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn có nội dung:

Vào ngày 19/3/2015, ông Đoàn Minh K có ký hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng số 970403-7727 với Ngân hàng TMCP Sài Gòn T với hạn mức sử dụng là 40.000.000đ; mục đích: tiêu dùng cá nhân; lãi suất thẻ là 2,6%/tháng; phương thức thanh toán là chủ thẻ sẽ chịu trách nhiệm thanh toán tổng số tiền đến hạn và hoặc trước ngày đến hạn như được nêu trong thông báo hàng tháng gửi cho chủ thẻ. Tuy nhiên, chủ thẻ có quyền lựa chọn thanh toán tổng số tiền đến hạn, số tiền tối thiểu hoặc một khoản tiền trong khoảng giữa của tổng số tiền đến hạn và số tiền tối thiểu để thanh toán cho đơn vị phát hành thẻ. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông K đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 117.550.000đ. Tính đến ngày 09/8/2022, ông K còn nợ lại Ngân hàng số tiền gốc vay là 24.914.666đ, tiền lãi là 15.870.610đ, tổng cộng là 40.785.276đ nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông K trả số tiền gốc vay và lãi vay tạm tính đến ngày 09/8/2022.

Tại phiên tòa ngày 09/3/2023, Ngân hàng đã cung cấp cho Tòa án bảng kê số tiền ông K còn thiếu, cụ thể là: nợ gốc là 24.914.666đ và tiền lãi suất tính đến ngày 09/3/2023 là 22.737.078đ, tổng cộng là 47.651.744đ. Ngân hàng yêu cầu ông K thanh toán số tiền gốc vay và lãi vay là 47.651.744đ và yêu cầu ông K tiếp tục chịu tiền lãi suất cho đến khi trả hết số nợ vay.

Bị đơn, ông Đoàn Minh K vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng tại Tòa án.

Ông Đoàn Minh K đã được Tòa án thực hiện việc niêm yết, tổng đạt giấy triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng ông K không đến tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; phiên hòa giải do Tòa án tổ chức; không có văn bản thể hiện ý kiến của ông K đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Sài Gòn T. Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm, ông K cũng vắng mặt dù đã được triệu tập họp lệ theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu:

- Về tố tụng: Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng chấp hành đúng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: xét thấy yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Sài Gòn T là có căn cứ nên đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đề nghị giải quyết các vấn đề khác theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Ngân hàng TMCP Sài Gòn T khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản với ông Đoàn Minh K có địa chỉ cư trú tại thành phố T nên căn cứ

vào **Khoản 3 Điều 26**; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Long An.

[2] Về việc xét xử vắng mặt Nguyên đơn là Ngân hàng TMCP Sài Gòn T, Bị đơn là ông Đoàn Minh K: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện việc niêm yết, tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Biên bản phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập ông K đến các phiên tòa sơ thẩm nhưng ông K không chấp hành. Riêng ông Bùi Khánh Viễn S là người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP Sài Gòn T là Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt là phù hợp theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy phiên tòa hôm nay dù vắng mặt các đương sự nêu trên nhưng Tòa án đã tiến hành đầy đủ thủ tục tố tụng nên việc xét xử vắng mặt đương sự này là đúng theo quy định tại Điều 227, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[3] Về hợp đồng vay tài sản: Căn cứ theo “Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng” ngày 19/3/2015 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP Sài Gòn T và ông Đoàn Minh K có chữ ký tên và chữ viết tên Đoàn Minh K nên đủ cơ sở để xác định giữa nguyên đơn và bị đơn đã xác lập hợp đồng cấp thẻ tín dụng với hạn mức là 40.000.000đ, mục đích vay tiêu dùng, lãi suất thẻ là 2,6%/tháng; phương thức thanh toán là chủ thẻ sẽ chịu trách nhiệm thanh toán tổng số tiền đến hạn và hoặc trước ngày đến hạn như được nêu trong thông báo hàng tháng gửi cho chủ thẻ. Tuy nhiên, chủ thẻ có quyền lựa chọn thanh toán tổng số tiền đến hạn, số tiền tối thiểu hoặc một khoản tiền trong khoảng giữa của tổng số tiền đến hạn và số tiền tối thiểu để thanh toán cho đơn vị phát hành thẻ. Trong quá trình giao dịch, ông K đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 117.550.000đ. Tính đến ngày 09/8/2022, ông K còn nợ lại Ngân hàng số tiền gốc vay là 24.914.666đ và tiền lãi phát sinh nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông K trả số tiền gốc vay là 24.914.666đ và tiền lãi suất tính đến ngày 09/3/2023 là 22.737.078đ, tổng cộng là 47.651.744đ. Do vậy, có đủ cơ sở buộc ông K phải thực hiện nghĩa vụ trả số tiền nợ gốc là 24.914.666đ và tiền lãi phát sinh tính đến ngày 09/3/2022 là 22.737.078đ, tổng cộng là 47.651.744đ cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn T theo quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự.

[4] Về phương thức thanh toán: Ngân hàng TMCP Sài Gòn T yêu cầu ông Đoàn Minh K có nghĩa vụ trả tiền vay, ông K không có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử xét thấy cần buộc ông K trả cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn T số tiền trên sau khi có bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

[5] Về lãi suất phát sinh sau ngày 09/3/2023 (là ngày xét xử sơ thẩm): Theo Án lệ số 08/2016/AL về xác định lãi suất, việc điều chỉnh lãi suất trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm được lựa chọn từ Quyết định giám đốc thẩm số 12/2013/KDTM-GĐT ngày 16/5/2013 và được công bố theo Quyết định

số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao thì: “Trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về lãi suất cho vay, gồm: lãi suất cho vay trong hạn, lãi suất nợ quá hạn, việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng, tổ chức tín dụng cho vay mà đến thời điểm xét xử sơ thẩm khách hàng vay chưa thanh toán, hoặc thanh toán không đủ số tiền nợ gốc, lãi theo hợp đồng tín dụng. Trường hợp này, khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng, tổ chức tín dụng khoản tiền nợ gốc chưa thanh toán, tiền lãi trên nợ gốc trong hạn (nếu có), lãi nợ quá hạn của số tiền gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh mức lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng, tổ chức tín dụng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng, tổ chức tín dụng cho vay”.

Hội đồng xét xử xét thấy tính chất, các tình tiết, sự kiện pháp lý trong vụ án này tương tự như các tình tiết, sự kiện pháp lý trong án lệ. Vì vậy, theo quy định tại các Điều 471, 474 và Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005; Khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Khoản 1 Điều 1 Thông tư số 12/2010/TT-NHNN của Ngân hàng nhà nước hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận; Khoản 2 Điều 11 Quy chế cho vay của Tổ chức tín dụng đối với khách hàng được ban hành theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước được sửa đổi, bổ sung bằng Quyết định số 127/2005/QĐ-NHNN ngày 03/02/2005 và theo Án lệ số 08/2016/AL, có đủ cơ sở buộc ông Đoàn Minh K tiếp tục chịu lãi suất từ ngày 10/3/2023 đến thời điểm thanh toán nợ theo mức lãi suất nợ quá hạn được thỏa thuận với Ngân hàng TMCP Sài Gòn T theo “Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng” ngày 19/3/2015 tương ứng với số vốn và thời gian chậm trả cho đến khi thi hành xong số tiền vay.

[6] Về chi phí tố tụng:

Về chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng: Ngân hàng TMCP Sài Gòn T phải chịu 3.000.000đ tiền đăng thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng theo quy định tại Điều 180 Bộ luật tố tụng dân sự, Ngân hàng đã nộp xong.

Về chi phí xác minh, thu thập chứng cứ: Ông Đoàn Minh K phải chịu 1.000.000đ tiền chi phí xác minh, thu thập chứng cứ. Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín đã tạm ứng chi phí trên nên buộc ông K phải hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn T 1.000.000đ.

[7] Hội đồng xét xử xét thấy, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân An tham gia phiên tòa phát biểu về việc tuân theo pháp luật và quan điểm giải quyết vụ án trên là có căn cứ theo quy định của pháp luật.

[8] Về án phí: ông Đoàn Minh K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.383.000đ theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[9] Ngân hàng TMCP Sài Gòn T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí là 1.020.000đ do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 288 Bộ luật dân sự; **Khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010**; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn T yêu cầu ông Đoàn Minh K trả số tiền nợ gốc là 24.914.666đ và tiền lãi phát sinh tính đến ngày 09/3/2023 là 22.737.078đ, tổng cộng là 47.651.744đ.

Buộc ông Đoàn Minh K trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn T tiền nợ gốc là 24.914.666đ và tiền lãi phát sinh tính đến ngày 09/3/2023 là 22.737.078đ, tổng cộng là 47.651.744đ.

2. Buộc ông Đoàn Minh K phải có nghĩa vụ tiếp tục thanh toán số nợ lãi phát sinh từ ngày 10/3/2023 đến thời điểm thanh toán nợ theo mức lãi suất nợ quá hạn được thỏa thuận với Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín theo “Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng” ngày 19/3/2015 tương ứng với số tiền vốn và thời gian chậm trả cho đến khi thi hành xong số tiền vay.

3. Về chi phí tố tụng:

Buộc ông Đoàn Minh K phải hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn T số tiền 1.000.000đ chi phí xác minh, thu thập chứng cứ.

Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn T phải chịu 3.000.000đ tiền đăng thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng, Ngân hàng đã nộp xong.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Đoàn Minh K phải nộp 635.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí là 1.020.000đ theo biên lai thu số 0001981 ngày 24/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Long An.

5. Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND tp. T;
- Chi cục THA tp. T;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Kiều Trinh